

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3127 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành;
thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc
thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng/Sở quản lý công trình xây dựng
chuyên ngành/Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp/
UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 8/6/2021 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5743/TTr-SXD ngày 12 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 30 thủ tục hành chính mới ban hành (trong đó: 22 TTHC cấp tỉnh, 08 TTHC cấp huyện) và 36 TTHC bị bãi bỏ (trong đó: 27 TTHC cấp tỉnh, 09 TTHC cấp huyện) trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng; Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp và UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa (Có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

- Bãi bỏ các Quyết định sau:

+ Quyết định số 5084/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa.

+ Quyết định số 5085/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa.

+ Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa;

+ Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa;

+ Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa;

+ Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa;

+ Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa;

Điều 2. Giao Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp xây dựng các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 03/9/2021.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục kiểm soát TTHC-VP Chính phủ (để b/c);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Sở Thông tin và Truyền thông (Cổng DVC tỉnh);
- Lưu: VT, KSTTCNC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG/
SỞ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CHUYÊN NGÀNH/BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ NGHI SƠN
VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP/UBND CẤP HUYỆN TỈNH THANH HÓA**

Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ TTHC trên Cổng DVCQG)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
1	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (1.009972.000.00.00.H56)	- Dự án nhóm A: không quá 35 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ; - Dự án nhóm B: không quá 25 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ; - Dự án nhóm C không quá 15 kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng; Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa), cụ thể: + Sở Xây dựng: đối với đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị);	- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính.	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.
2	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.	- Không quá 40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt kể từ ngày nhận đủ hồ		- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.	

	(1.009973.000.00.00.H56)	<p>sơ hợp lệ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ 	<ul style="list-style-type: none"> + Sở Giao thông vận tải: đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định nêu trên); + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; + Sở Công Thương: đối với đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định nêu trên); - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa (phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa): Đối với các dự án, công trình được giao quản lý. - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.
3	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). 	Lệ phí: 150.000 đồng/giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày

	/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). (1.009974.000.00.00.H56)		- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa (phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa): Đối với các công trình được giao quản lý. - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn		17/6/2020. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cấp giấy phép xây dựng và quy định quy mô công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
4	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). (1.009975.000.00.00.H56)	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Lệ phí: 150.000 đồng/giấy phép	
5	Cấp giấy phép đi dờn đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). (1.009976.000.00.00.H56)	Không quá 20 ngày (Riêng đối với công trình quảng cáo không quá 15 ngày đối với trường hợp địa điểm quảng cáo nằm trong quy hoạch quảng cáo; không quá 22 ngày đối với trường hợp địa		Lệ phí: 100.000 đồng/giấy phép	

		điểm quảng cáo chưa có trong quy hoạch quảng cáo) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
6	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). (1.009977.000.00.00.H56)	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Riêng đối với công trình quảng cáo không quá 15 ngày đối với trường hợp địa điểm quảng cáo nằm trong quy hoạch quảng cáo; không quá 22 ngày đối với trường hợp địa điểm quảng cáo chưa có trong quy hoạch quảng cáo)	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa (phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa): Đối với các công trình được giao quản lý. - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn 	Lệ phí: 100.000 đồng/giấy phép.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cấp giấy phép xây dựng và quy định quy mô công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các

					<p>khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p>
7	<p>Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). (1.009978.000.00.00.H56)</p>	<p>Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa (phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa): Đối với các công trình được giao quản lý. - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</p>	<p>Lệ phí: 10.000 đồng/giấy phép.</p>	<p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cấp giấy phép xây dựng và quy định quy mô công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm</p>
8	<p>Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án). (1.009979.000.00.00.H56)</p>	<p>Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</p>	<p>Lệ phí: 10.000 đồng/giấy phép</p>	<p>- Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm</p>

					quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
9	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C. (1.009980.000.00.00.H56)	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	Lệ phí: 2.000.000 đồng/Giấy phép.	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Thông tư 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.
10	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C. (1.009981.000.00.00.H56)	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Lệ phí: 2.000.000 đồng/Giấy phép.	
11	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III. (1.009982.000.00.00.H56)	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 3) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	+ Lệ phí cấp chứng chỉ: 150.000 đồng/chứng chỉ (thời hạn áp dụng đến hết ngày 31/12/2021); + Lệ phí cấp chứng chỉ: 300.000 đồng/chứng chỉ (áp dụng từ ngày	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Thông tư số 172/2016/TT-

				01/01/2022 trở đi)	BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.
12	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III. (1.009983.000.00.00.H56)	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 3) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn 	<ul style="list-style-type: none"> + Lệ phí cấp chứng chỉ: 75.000 đồng/chứng chỉ (thời hạn áp dụng đến hết ngày 31/12/2021); + Lệ phí cấp chứng chỉ: 150.000 đồng/chứng chỉ (áp dụng từ ngày 01/01/2022 trở đi) 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.
13	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III. (1.009928.000.00.00.H56)	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn 	<ul style="list-style-type: none"> + Lệ phí cấp chứng chỉ: 150.000 đồng/chứng chỉ (thời hạn áp dụng đến hết ngày 31/12/2021); + Lệ phí cấp chứng chỉ: 300.000 đồng/chứng chỉ (áp dụng từ ngày 01/01/2022 trở đi) 	
14	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường	Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		+ Lệ phí cấp chứng chỉ: 75.000 đồng/chứng chỉ	

	hợp chứng chỉ mất, hư hỏng). (1.009984.000.00.00.H56)			(<i>thời hạn áp dụng đến hết ngày 31/12/2021</i>); + Lệ phí cấp chứng chỉ: 150.000 đồng/chứng chỉ (<i>áp dụng từ ngày 01/01/2022 trở đi</i>)	
15	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp). (1.009985.000.00.00.H56)	Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	Không quy định.	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.
16	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III. (1.009986.000.00.00.H56)	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố	+ Lệ phí cấp chứng chỉ: 75.000 đồng/chứng chỉ (<i>thời hạn áp dụng đến hết ngày</i>	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng

			<p>Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 3) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</p>	<p>31/12/2021); + Lệ phí cấp chứng chỉ: 150.000 đồng/chứng chỉ (áp dụng từ ngày 01/01/2022 trở đi)</p>	<p>số 62/2020/QH14. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng. - Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.</p>
17	<p>Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân người nước ngoài. (1.009987.000.00.00.H56)</p>	<p>Không quá 25 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</p>	<p>+ Lệ phí cấp chứng chỉ: 75.000 đồng/chứng chỉ (thời hạn áp dụng đến hết ngày 31/12/2021); +Lệ phí cấp chứng chỉ: 150.000 đồng/chứng chỉ (áp dụng từ ngày 01/01/2022 trở đi)</p>	<p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của</p>

18	Cấp chứng chỉ năng lực lần đầu hoạt động xây dựng hạng II, hạng III. (1.009988.000.00.00.H56)	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 3) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn 	<ul style="list-style-type: none"> +Lệ phí cấp chứng chỉ: 500.000 đồng/chứng chỉ (thời hạn áp dụng đến hết ngày 31/12/2021); + Lệ phí cấp chứng chỉ: 1.000.000 đồng/chứng chỉ (áp dụng từ ngày 01/01/2022 trở đi) 	<ul style="list-style-type: none"> Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng. - Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.
19	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng). (1.009989.000.00.00.H56)	Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn 	<ul style="list-style-type: none"> +Lệ phí cấp chứng chỉ: 250.000 đồng/chứng chỉ (thời hạn áp dụng đến hết ngày 31/12/2021); + Lệ phí cấp chứng chỉ: 500.000 đồng/chứng chỉ (áp dụng từ ngày 01/01/2022 trở đi). 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng. - Thông tư số 47/2021/TT-

					BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.
20	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp). (1.009990.000.00.00.H56)	Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.
21	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III. (1.009936.000.00.00.H56)	Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn 	<ul style="list-style-type: none"> + Lệ phí cấp chứng chỉ: 500.000 đồng/chứng chỉ (thời hạn áp dụng đến hết ngày 31/12/2021); + Lệ phí cấp chứng chỉ: 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết

				1.000.000 đồng/chứng chi (áp dụng từ ngày 01/01/2022 trở đi)	một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Thông tư số 172/2016/TT- BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.
22	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III. (1.009991.000.00.00.H56)	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	+ Lệ phí cấp chứng chi: 250.000 đồng/chứng chi (thời hạn áp dụng đến hết ngày 31/12/2021); + Lệ phí cấp chứng chi: 500.000 đồng/chứng chi (áp dụng từ ngày 01/01/2022 trở đi).	- Thông tư số 47/2021/TT- BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.
II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
1	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. (1.009992.000.00.00.H56)	Dự án nhóm A không quá 35 ngày, dự án nhóm B không quá 25 ngày, dự án nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện. - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	- Thông tư số 209/2016/TT- BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính.	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 15/2021/NĐ- CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết

2	<p>Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. (1.009993.000.00.00.H56)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện. - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính. 	<p>một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở. - Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.
3	<p>Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. (1.009994.000.00.00.H56)</p>	<p>Không quá 20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ (Riêng đối với công trình quảng cáo không quá 15 ngày đối với trường hợp địa điểm quảng cáo nằm trong quy hoạch quảng cáo; không quá 22 ngày đối với trường hợp đối</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện. - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn 	<p>Lệ phí: + Nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép; + Công trình khác: 150.000 đồng/giấy phép.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh

		với trường hợp địa điểm quảng cáo) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			Thanh Hóa về việc ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
4	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. (1.009995.000.00.00.H56)	Không quá 20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ (Riêng đối với công trình quảng cáo không quá 15 ngày đối với trường hợp địa điểm quảng cáo nằm trong quy hoạch quảng cáo; không quá 22 ngày đối với trường hợp địa điểm quảng cáo) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện. - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	Lệ phí: + Nhà ở riêng lẻ 75.000 đồng/giấy phép; + Công trình khác 150.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
5	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn	Không quá 20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ (Riêng đối với công trình quảng cáo không	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện. - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	Lệ phí: 100.000 đồng/giấy phép	

	cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. (1.009996.000.00.00.H56)	quá 15 ngày đối với trường hợp địa điểm quảng cáo nằm trong quy hoạch quảng cáo; không quá 22 ngày đối với trường hợp địa điểm quảng cáo), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
6	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. (1.009997.000.00.00.H56)	Không quá 20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ (Riêng đối với công trình quảng cáo không quá 15 ngày đối với trường hợp địa điểm quảng cáo nằm trong quy hoạch quảng cáo; không quá 22 ngày đối với trường hợp địa điểm quảng cáo) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện. - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	Lệ phí: + Nhà ở riêng lẻ 75.000 đồng/giấy phép; + Công trình khác 150.000 đồng/giấy phép.	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa

					bản tỉnh Thanh Hóa.
7	<p>Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. (1.009998.000.00.00.H56)</p>	<p>Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện. - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</p>	<p>Lệ phí: 10.000 đồng/Giấy phép</p>	<p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p>
8	<p>Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. (1.009999.000.00.00.H56)</p>	<p>Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>		<p>Lệ phí: 10.000 đồng/giấy phép.</p>	

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ TTHC

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
1	1.007249	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (<i>quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 5 Điều 10 Nghị định 59 được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP</i>).	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
2	1.007250	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (<i>quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP</i>).	
3	1.007252	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (<i>quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, điểm b khoản 1 Điều 25, điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Khoản 9, khoản 10 và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP</i>).	
4	1.007972	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	
5	1.007973	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	
6	1.007974	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	

7	1.007975	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
8	1.007977	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	
9	1.007978	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	
10	1.007979	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình thuộc ranh giới quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp tỉnh (trừ công trình cấp đặc biệt và nhà ở riêng lẻ).	
11	1.007980	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình thuộc ranh giới quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh (trừ công trình cấp đặc biệt và nhà ở riêng lẻ).	
12	1.007981	Cấp giấy phép di dời đối với công trình thuộc ranh giới quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp (trừ công trình cấp đặc biệt và nhà ở riêng lẻ).	
13	1.007982	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc ranh giới quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp (trừ công trình cấp đặc biệt và nhà ở riêng lẻ).	
14	1.007983	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc ranh giới quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp (trừ công trình cấp đặc biệt và nhà ở riêng lẻ).	
15	1.007984	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc ranh giới quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp (trừ công trình cấp đặc biệt và nhà ở riêng lẻ).	
16	1.007408.000.00.00.H56	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm	

		B, C.	
17	1.007409.000.00.00.H56	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
18	1.007304.000.00.00.H56	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	
19	1.007357.000.00.00.H56	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III	
20	1.007391.000.00.00.H56	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng).	
21	1.007392.000.00.00.H56	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài.	
22	1.007394.000.00.00.H56	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	
23	1.007396.000.00.00.H56	Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III.	
24	1.007399.000.00.00.H56	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III.	
25	1.007401.000.00.00.H56	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP).	
26	1.007402.000.00.00.H56	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn).	
27	1.007403.000.00.00.H56	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp.	
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN		
1	1.007263	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 5 Điều 10 Nghị định 59 được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP).	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
2	1.007265	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; khoản 5 Điều 1 Nghị định số	

		<i>42/2017/NĐ-CP).</i>	
3	1.007268	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, điểm b khoản 1 Điều 25, điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Khoản 9, khoản 10 và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP).	
4	1.007985	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh.	
5	1.007986	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
6	1.007987	Cấp giấy phép di dời công trình đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh.	
7	1.007988	Điều chỉnh GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	
8	1.007989	Gia hạn đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	
9	1.007990	Cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	